TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ QUẢNG YÊN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 95/2023/QĐST-HNGĐ	*Quảng Yên, ngày 27 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: thôn Bấc, xã L V, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh;

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990; địa chỉ: thôn Bấc, xã L V, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ vào Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Lê Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Lê Văn T.

2.2. Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn T có 02 con chung là Lê Nam Phg, sinh ngày 23/12/2015 và Lê Bùi Anh Th, sinh ngày 16/7/2020. Khi ly hôn chị L và anh T thống nhất thỏa thuận giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Lê Nam Phg, sinh ngày 23/12/2015 và Lê Bùi Anh Th, sinh ngày 16/7/2020, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con là 2.500.000đ/tháng kể từ tháng 10/2023 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở; đồng thời không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị L tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010348 ngày 14/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị Bùi Thị L số tiền còn lại là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Quảng Yên;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã L V, thị xã Qg Y, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS thị xã Qg Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Phúc Định